

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI
Số: 01/2018/HSST.
Ngày: 17/01/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chín.

Ông Lưu Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2017/TST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

B; Sinh năm: 1982, tại tỉnh G; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H'L, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G; Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N, sinh năm 1958 và con bà H, sinh năm: 1960; Có vợ là A, sinh năm 1989 và 01 con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 cho đến nay. Có mặt.

T; Sinh năm: 1989, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn Tươi K, xã G, huyện Đ Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ, sinh năm 1968 và con bà A, sinh năm: 1970; Có vợ là P, sinh năm 1987 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án. Ngày 28/4/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 15 tháng tù về

tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại bản án số 60/2016/HSST; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2017 cho đến nay. Có mặt.

A; Sinh năm: 1997, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn 1, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A, sinh năm 1955 và con bà A, sinh năm: 1950; Có vợ là X, sinh năm 1996 và có 01 con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2017 cho đến nay. Có mặt

***Bị hại:**

- Ông Nguyễn S, sinh năm: 1947.

Trú tại: Thôn 2, xã An P, Tp.P, tỉnh G. Vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

-Chị Huỳnh Thị H, sinh năm: 1974.

Trú tại: Thôn 5, xã An P, Tp.P, tỉnh G. Vắng mặt.

-Chị A, sinh năm: 1989.

Trú tại: Thôn 1, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

-Chị X, sinh năm: 1994.

Trú tại: Thôn 1, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

***Người phiên dịch:** Ông Jil – Cán bộ hưu trí. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 15/8/2017, B và T đến cùng uống rượu tại nhà của A thuộc Thôn 1, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Trong lúc ngồi uống rượu, B rủ T và A đi trộm cắp máy bơm nước bán lấy tiền tiêu xài, T và A đồng ý. Tất cả uống rượu đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ. B đi bộ về nhà lấy 01 xà beng, 01 con dao, 01 đèn pin đội đầu, còn A mang theo một con dao rồi cùng đi bộ đến nhà rẫy của ông Nguyễn S ở cùng thôn. Tại đây, B phá khóa cổng, khóa cửa nhà rẫy của ông S rồi đi vào lấy 01 đôi ủng màu xanh cùng 01 chiếc cửa sắt, còn T và A đi vào nhà bếp dùng dao cắt đứt dây điện của máy bơm nước. Cả ba đi ra phía giếng nước dùng xà beng phá khóa và dùng cửa sắt cửa dây xích nắp giếng. Do bơm nước được thả dưới giếng và bị cùm máy nên T cầm dao xuống tháo cùm và cắt đứt đường ống dẫn nước. Sau đó, cả ba cùng kéo máy bơm lên rồi dùng cửa sắt cửa đứt dây cáp buộc máy bơm. B đi vào trong nhà rẫy lấy 01 bao cước màu đỏ để bỏ chiếc máy bơm nước vào rồi bê về nhà B cất giấu. Đến

khoảng 11 giờ ngày 16/8/2017, B dùng xe mô tô biển số 81HD-0173 của gia đình chở chiếc máy bơm trên đến cửa hàng phế liệu của chị Huỳnh Thị H thuộc Thôn 5, xã An P, thành phố P, tỉnh G bán với số tiền 500.000 đồng.

Sau khi phát hiện nhà rẫy bị phá khóa và bị mất máy bơm nước, ông S đi tìm thì phát hiện đôi ủng của mình bị mất đang ở tại nhà của B nên đã trình báo Cơ quan Công an huyện Đ Đ. Trên cơ sở đó, ngày 17/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ, tiến hành bắt khẩn cấp đối với B và thu giữ tại nhà của B 01 đôi ủng màu xanh. Chị Huỳnh Thị H khi biết chiếc máy bơm đã mua của B là do trộm cắp mà có, đã tự nguyện đã giao nộp chiếc máy bơm nước này cùng với bao cước đựng máy bơm. Ngày 18/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ, tiến hành bắt khẩn cấp đối với T và A. Ngày 23/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã thu giữ tại nhà của B: 01 cửa sắt kích thước 42 x 10 cm; 01 cây xà beng nhỏ đỉnh dài 64cm; 01 con dao dài 50cm là các tang vật mà các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Riêng 01 đèn pin đội đầu của B và 01 con dao của A sử dụng khi phạm tội, các bị cáo không nhớ để tại đâu nên không thu giữ được.

Tại các bản Kết luận số 48 ngày 22/8/2017 và số 55 ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ Đ kết luận: 01 máy bơm nước, loại máy bơm chìm, nhãn hiệu TD, công suất 5HP 3.5 KW có trị giá 3.675.000 đồng; 01 đôi ủng màu xanh có giá trị là 20.000 đồng; 01 chiếc cửa sắt có trị giá là 20.000 đồng. Tổng cộng: 3.715.000 đồng.

Tại Cáo trạng: 55/CT-VKS, ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, G truy tố các bị cáo B, T và A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo B, T và A phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng:

- khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- khoản 1 Điều 138; điểm b, h, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo B từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Xử phạt bị cáo A từ 06 đến 09 tháng tù.

- Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999: đề nghị xử buộc bị cáo T giao nộp 165.000 đồng để tịch thu xung công quỹ nhà nước.

- Căn cứ: điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị xử tịch thu và tiêu huỷ: 01 cây xà beng nhỏ đỉnh dài 64 cm; 01 con dao dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36,5 cm, cán dao bằng le có bọc kim loại dài 13,5 cm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ Đ, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ công bố bản cáo trạng thì các bị cáo B, T và A đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an huyện Đ Đ, với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo B, T và A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của các bị cáo B, T và A không thuộc trường hợp có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án. Vì vậy, các bị cáo B, T và A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét về tính chất của vụ án thì thấy rằng: Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia tuy có sự rủ rờ nhưng không có sự bàn bạc và phân công một cách chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Xét về hành vi của các bị cáo thì thấy rằng:

Đối với bị cáo B: Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng chính sức lao động của mình thì bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản. Trong vụ án này bị cáo chính là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T, A cùng thực hiện tội phạm và là người chuẩn bị công cụ phạm tội. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện rất tích cực, bị cáo chính là người phá khóa cổng, khóa cửa nhà rầy của ông S sau đó cùng bị cáo T và A dùng xà beng phá khóa, dùng cưa sắt cưa dây xích nắp giếng và trộm cắp 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD, công suất 5HP 3.5 KW có trị giá 3.675.000 đồng; 01 đôi ủng màu xanh có giá trị là 20.000 đồng; 01 chiếc cưa sắt có trị giá là 20.000 đồng của ông Sơn. Không những vậy, sau khi trộm cắp được tài sản thì chính bị cáo là người đã chở chiếc máy bơm đi bán lấy tiền và sau đó chia cho bị cáo T, A. Do đó bị cáo phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Hành vi của bị cáo B là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo T: Bị cáo cũng là một thanh niên có sức khỏe, bị cáo nhận thức và biết được rằng tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Tuy trong vụ án này mặc dù chỉ đóng vai trò là đồng phạm nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng chính sức lao động của mình nên khi bị cáo B rủ đi trộm cắp thì bị cáo chẳng những không can ngăn mà còn tham gia vào việc thực hiện tội phạm. Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo thực hiện rất tích cực không kém gì bị cáo B. Bị cáo chính là người đi vào nhà bếp dùng dao cắt đứt dây điện của máy bơm, sau đó cùng bị cáo B, A dùng xà beng phá khóa, dùng cưa sắt cưa dây xích nắp giếng. Không những vậy chính bị cáo là người trèo xuống giếng dùng dao tháo cùm, cắt đứt dây cáp buộc máy bơm và cùng với bị cáo B, A trộm cắp 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD, công suất 5HP 3.5 KW có trị giá 3.675.000 đồng; 01 đôi ủng màu xanh có giá trị là 20.000 đồng; 01 chiếc cưa sắt có trị giá là 20.000 đồng của ông S. Mặc khác bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án về tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” bị Tòa án nhân dân Tp.P xử phạt 15 tháng tù tại bản án số 60/2016/HSST ngày 28/4/2016 chưa được xóa án tích, cho nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc vào trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo T là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo A: Trong vụ án này mặc dù chỉ đóng vai trò là đồng phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng chính sức lao động của mình nên khi bị cáo B rủ đi trộm cắp thì bị cáo chẳng những không can ngăn mà còn tham gia vào việc thực hiện tội phạm. Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo thực hiện tích cực. Bị cáo chính là người chuẩn bị công cụ phạm tội và cùng với T đi vào nhà bếp dùng dao cắt đứt dây điện của máy bơm, sau đó cùng bị cáo B, T dùng xà beng phá khóa, dùng cửa sắt cửa dây xích nắp giếng trộm cắp 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD, công suất 5HP 3.5 KW có trị giá 3.675.000 đồng; 01 đôi ủng màu xanh có giá trị là 20.000 đồng; 01 chiếc cửa sắt có trị giá là 20.000 đồng của ông S. Hành vi của bị cáo A là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo B và A được hưởng tình thêm tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần có một mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành người có ích và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân lai lịch và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo cần thiết phải xử bị cáo T có mức án cao hơn bị cáo B và A là phù hợp.

[6] Đối với chị A quá trình điều tra xác định chị A không biết B sử dụng xe mô tô 81HD-0173 vào việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp. Đối với chị Huỳnh Thị H là người đã mua lại chiếc máy bơm do bị cáo B đem bán. Tuy nhiên, chị H hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

- Đối với số tiền 500.000 đồng mà các bị cáo bán máy bơm trộm cắp cho chị Huỳnh Thị H sau đó chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra Chị Huỳnh Thị H yêu cầu bồi thường số tiền đã mua chiếc máy bơm nước là 500.000 đồng. Hiện chị A vợ của cáo B đã bồi thường số tiền 170.000 đồng; chị X vợ của bị cáo A đã bồi thường số tiền 165.000 đồng. Bị cáo T chưa bồi thường. Trong đơn xét xử vắng mặt chị H không yêu cầu bị cáo T phải bồi

thường. Tuy nhiên xét đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải giao nộp để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị A, chị X không có yêu cầu gì về phần dân sự và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại ông Nguyễn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Huỳnh Thị H không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 cây xà beng nhỏ đinh dài 64 cm; 01 con dao dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36,5 cm, cán dao bằng le có bọc kim loại dài 13,5 cm. Xét đây là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo B, T và A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo B, T và A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng:

- khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Bị cáo T 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/8/2017.

- khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999:

+ Xử phạt: Bị cáo B 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/8/2017.

+ Xử phạt: Bị cáo A 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/8/2017.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999: Buộc bị cáo T phải nộp số tiền 165.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ: điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử tịch thu và tiêu hủy: 01 cây xà beng nhỏ đinh dài 64 cm; 01 con dao dài 50 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36,5 cm, cán dao bằng le có bọc kim loại dài 13,5 cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện Đ Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo B, Tr và A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2018) bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị hại, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ Đ;
- CA huyện Đ Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Viết Minh Quân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;

tòa

- VKSND tỉnh Gia Lai;

- VKSND huyện Mang Yang;

- CA huyện Mang Yang;

- Bị cáo;

- Người bị hại;

- Người bảo vệ QL HP;

- Chi cục thi hành án dân sự huyện;

Mang Yang;

- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Bùi Viết Minh Quân